

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC QUY ĐỊNH, ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2022-2023

1. Định mức học phí đào tạo thạc sĩ trong thời hạn đào tạo chuẩn

STT	Đơn vị tính	Khoá QH-2021 (đồng)	Khoá QH-2022 (đồng)
1	1 tháng	2.025.000	3.000.000
2	1 năm học (10 tháng)	20.250.000	30.000.000
3	1 tín chỉ	632.000	936.000

Áp dụng cho các hình thức: học lần đầu, học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do. Định mức học phí học ngoài giờ hành chính bằng với học trong giờ hành chính cho cả 4 trường hợp (học lần đầu, học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do).

Định mức học phí cho các học viên có quốc tịch nước ngoài là:

* Các khoá tuyển sinh năm 2022: cùng định mức như học viên Việt Nam.

* Các khoá đã tuyển sinh từ năm 2021 về trước: học lần đầu, tính theo niên chế bằng 2,5 lần định mức học phí của học viên Việt Nam (trừ học viên có quốc tịch Lào và Campuchia).

* Học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do tính theo tín chỉ, cùng định mức như học viên Việt Nam.

2. Định mức học phí đào tạo tiến sĩ trong thời gian đào tạo chuẩn

STT	Đơn vị tính	Khoá QH-2020 (đồng)	Khoá QH-2021 (đồng)	Khoá QH-2022 (đồng)
1	1 tháng	3.375.000	3.375.000	3.600.000
2	1 năm học (10 tháng)	33.750.000	33.750.000	36.000.000
3	1 tín chỉ	1.022.000	1.022.000	1.090.000

Áp dụng cho các hình thức: học lần đầu, học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do. Định mức học phí học ngoài giờ hành chính bằng với học trong giờ hành chính cho cả 4 trường hợp (học lần đầu, học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do).

Định mức học phí cho các nghiên cứu sinh (NCS) có quốc tịch nước ngoài:

* Các khoá tuyển sinh năm 2022: cùng định mức như NCS Việt Nam.

* Các khoá đã tuyển sinh từ năm 2021 về trước: học lần đầu, tính theo niên chế bằng 2,5 lần định mức học phí của NCS Việt Nam (trừ NCS có quốc tịch Lào và Campuchia).

* Học lại, học cải thiện điểm, học tự chọn tự do tính theo tín chỉ, cùng định mức như NCS Việt Nam.

3. Định mức học phí mới áp dụng từ học kỳ I năm học 2022-2023.